

Số: /QĐ-STNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa có kết quả thăm dò đối với mỏ cát thôn Đông Mỹ và mỏ cát thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp; mỏ cát thôn Mỹ Hòa, xã Nghĩa Mỹ thuộc địa bàn huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 5123/UBND-NNTN ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh về việc bảo mật thông tin trong việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 7173/UBND-NNTN ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh về việc xét chọn hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2524/UBND-NNTN ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh về việc kiểm tra, xử lý việc chậm nộp tiền ký quỹ và công tác cải tạo, phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 5595/UBND-NNTN ngày 14/11/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác ký quỹ và công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 428/UBND-NNTN ngày 27/01/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 2759/UBND-NNTN ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 20/05/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoáng sản, Tài nguyên Nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được

UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023.

Điều 2. Giao Phòng Khoáng sản, Tài nguyên Nước chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở và tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng Phòng Khoáng sản, Tài nguyên nước; các phòng, đơn vị có liên quan thuộc Sở; tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp và các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT (p/h);
- UBND các huyện: Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Nghĩa Hành, thị xã Đức Phổ (p/h);
- GD, PGD Sở TN và MT;
- Lưu: VT, KS-TNN_(HC201).

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung

QUY CHẾ

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày /11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng để đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (gọi tắt là đấu giá) ở khu vực chưa có kết quả thăm dò đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023.

2. Những nội dung không nêu tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật về đấu giá tài sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.
4. Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá.
5. Chỉ tiến hành đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu giá.

Điều 3. Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá khi đủ các điều kiện sau:
 - a) Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn và thông báo được xét chọn theo quy định tại

Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2013 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

b) Đã nộp tiền đặt trước đối với khu vực mỏ đăng ký tham gia đấu giá.

2. Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (*Sở Tài nguyên và Môi trường*) trước khi tiến hành phiên đấu giá.

Điều 4. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá mua, lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá được lập 01 bộ theo quy định *khoản 2, Điều 12* và *khoản 2, Điều 14* Quy chế này.

Điều 5. Người không được đăng ký tham gia đấu giá

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ, công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ đấu giá của Sở Tài nguyên và Môi trường; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

2. Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

3. Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản.

4. Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản; người có quyền quyết định bán tài sản; người ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật.

5. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật đối với loại tài sản đó.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được Sở Tài nguyên và Môi trường và tổ chức đấu giá chuyên nghiệp chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó.

8. Tổ chức, cá nhân không được xét chọn tham gia đấu giá, bao gồm:

- Không hoàn thành một trong các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước (*thuê đất, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; không lập sổ sách, chứng từ, tài liệu có liên quan để xác định*

sản lượng khoáng sản thực tế khai thác hoặc lập nhưng không đầy đủ; khai báo không trung thực khoáng sản thực tế khai thác) theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7173/UBND-NNTN ngày 17/11/2017 về việc xét chọn hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và Công văn số 2759/UBND-NNTN ngày 16/6/2021 về việc tăng cường quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Không thực hiện việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường; chưa thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường, lập thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi kết thúc khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2524/UBND-NNTN ngày 28/4/2017 về việc kiểm tra, xử lý việc chậm nộp tiền ký quỹ và công tác cải tạo, phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ khoáng sản.

Điều 6. Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước; thù lao dịch vụ đấu giá tài sản cho tổ chức đấu giá tài sản

1. Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá:

Thực hiện theo Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản, cụ thể số tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá như sau:

TT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Số tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/1 bộ hồ sơ)
I	Cát xây dựng	
1	Mỏ cát thôn Nhơn Lộc 1, xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	200.000
2	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	500.000
3	Mỏ cát thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	200.000
4	Mỏ cát thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	500.000
5	Mỏ cát thôn Mỹ Hòa, xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	500.000
II	Đất san lấp	
1	Mỏ đất núi Văn Bàn, thôn 4, xã Đức Chánh (Vị trí 1), huyện Mộ Đức	500.000
2	Mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (<i>phần diện tích mở rộng</i>), huyện Mộ Đức	500.000
3	Mỏ đất hồ Đá Bàn, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	500.000
4	Mỏ đất Đèo Đông Ngõ, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	500.000
5	Mỏ đất Núi Chóp thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	500.000
6	Mỏ đất Núi Lớn, thôn Hưng Long, xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ	500.000
7	Mỏ đất Tổ dân phố Hiến Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ	500.000
8	Mỏ đất Tổ dân phố Hiến Văn, phường Phổ	200.000

	Hòa (Vị trí 2), thị xã Đức Phổ	
9	Mỏ đất Tô dân phố Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	500.000
10	Núi Mã Đèo, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	500.000
11	Mỏ đất Núi Chủ Đê, thôn Phú Lâm Đông, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	200.000

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký tham gia đấu giá liên hệ mua hồ sơ tại Phòng Khoáng sản, Tài nguyên Nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại địa chỉ: Số 163, đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước:

a) Giá khởi điểm (R): Được xác định theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC, như sau: Giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 67/2019/NĐ-CP, cụ thể:

- Cát vàng dùng trong xây dựng: **R = 5%** (tương ứng với 5% giá trị tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản);

- Đất đồi dùng làm vật liệu san lấp: **R = 3%** (tương ứng với 3% giá trị tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

b) Bước giá: Được xác định theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 4 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC, cụ thể:

TT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Giá khởi điểm R(%)	Tiền cấp quyền tính theo TNDB (đồng)	Bước giá được chọn đấu giá R _{bg} (%)	Ghi chú
I	Cát xây dựng						
1	Mỏ cát thôn Nhơn Lộc 1, xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	4,2	63.000	5	478.406.250	0,5	Tương ứng với 10% giá khởi điểm R
2	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	6,14	122.800	5	839.261.250	0,5	
3	Mỏ cát thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	3,26	65.200	5	495.112.500	0,5	
4	Mỏ cát thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	5,9	93.263	5	708.216.752	0,5	
5	Mỏ cát thôn Mỹ Hòa, xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	3,58	93.263	5	708.216.752	0,5	Tương ứng với 10% giá khởi điểm R
II	Đất san lấp						

1	Mỏ đất núi Văn Bân, thôn 4, xã Đức Chánh (Vị trí 1), huyện Mộ Đức	9,41	564.600	3	963.585.882	0,3	Tương ứng với 10% giá khởi điểm R
2	Mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức	9,4	647.660	3	1.105.341.892	0,18	Tương ứng với 6% giá khởi điểm R
3	Mỏ đất hồ Đá Bàn, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	5,55	436.785	3	745.447.856	0,3	Tương ứng với 10% giá khởi điểm R
4	Mỏ đất Đèo Đồng Ngõ, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	4,5	354.150	3	604.417.181	0,3	
5	Mỏ đất Núi Chóp thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	13,96	695.208	3	1.186.490.637	0,18	Tương ứng với 6% giá khởi điểm R
6	Mỏ đất Núi Lớn, thôn Hưng Long, xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ	15,8	632.000	3	1.078.615.440	0,18	
7	Mỏ đất Tổ dân phố Hiền Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ	6,0	300.000	3	512.001.000	0,3	Tương ứng với 10% giá khởi điểm R
8	Mỏ đất Tổ dân phố Hiền Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 2), thị xã Đức Phổ	4,0	80.000	3	136.533.600	0,3	
9	Mỏ đất Tổ dân phố Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	12,93	743.480	3	1.268.875.012	0,18	Tương ứng với 6% giá khởi điểm R
10	Núi Mã Đèo, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	10,18	712.600	3	1.283.738.211	0,18	
11	Mỏ đất Núi Chủ Đê, thôn Phú Lâm Đông, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	4,91	256.793	3	462.608.738	0,3	Tương ứng với 10% giá khởi điểm R

c) Tiền đặt trước: Được xác định theo quy định tại Khoản 1, Điều 39 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 là 20% của giá khởi điểm theo tài nguyên dự báo.

Tiền đặt trước cuộc đấu giá đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản

tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023, cụ thể như sau:

TT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Diện tích (ha)	Tiền đặt trước (đồng)	Suất đầu tư thăm dò khoáng sản (đồng/ha)	Tổng dự toán chi phí thăm dò khoáng sản (đồng)	Năng lực tài chính tối thiểu (đồng)	Ghi chú
I	Cát xây dựng						
1	Mỏ cát thôn Nhon Lộc 1, xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	4,2	95.681.250	81.764.215	343.409.703	171.704.852	
2	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	6,14	167.852.250		502.032.280	251.016.140	
3	Mỏ cát thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	3,26	99.022.500		266.551.341	133.275.670	
4	Mỏ cát thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	5,9	141.643.350		482.408.869	241.204.434	
5	Mỏ cát thôn Mỹ Hòa, xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	3,58	108.742.500		292.715.890	146.357.945	
II	Đất san lấp						
1	Mỏ đất núi Văn Bân, thôn 4, xã Đức Chánh (Vị trí 1), huyện Mộ Đức	9,41	192.717.176	53.573.390	504.125.600	252.062.800	
2	Mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức	9,4	221.068.378		503.589.866	251.794.933	
3	Mỏ đất hồ Đá Bàn, xã Đức Tân và thị trần Mộ Đức, huyện Mộ Đức	5,55	149.089.571		297.332.315	148.666.157	
4	Mỏ đất Đèo Đồng Ngỗ, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	4,5	120.883.436		241.080.255	120.540.128	
5	Mỏ đất Núi Chóp thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	13,96	237.298.127		747.884.524	373.942.262	
6	Mỏ đất Núi Lớn, thôn Hưng Long, xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ	15,8	215.723.088		846.459.562	423.229.781	

7	Mỏ đất Tổ dân phố Hiển Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ	6,0	102.400.200	53.573.390	321.440.340	160.720.170	
8	Mỏ đất Tổ dân phố Hiển Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 2), thị xã Đức Phổ	4,0	27.306.720		214.293.560	107.146.780	
9	Mỏ đất Tổ dân phố Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	12,93	253.775.002		692.703.933	346.351.966	
10	Núi Mã Đèo, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	10,18	256.747.642		545.377.110	272.688.555	
11	Mỏ đất Núi Chủ Đê, thôn Phú Lâm Đông, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	4,91	92.521.748		263.045.345	131.522.672	

3. Thù lao dịch vụ đấu giá tài sản cho tổ chức đấu giá tài sản: Thực hiện theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản.

Điều 7. Quy định nộp tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá; hoàn trả lại tiền đặt trước cho người không trúng đấu giá; các trường hợp không hoàn trả lại tiền đặt trước; xử lý khoản tiền đặt trước.

1. Tiền đặt trước:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia phiên đấu giá; tiền đặt trước được tính bằng đồng Việt Nam.

b) Tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá được nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán riêng (tài khoản tạm giữ) của Sở Tài nguyên và Môi trường theo số: 3713.0.1090370.00000, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

c) Thời hạn nộp tiền đặt trước: Trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá. Tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Tiền đặt cọc được khấu trừ vào tiền trúng đấu giá trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Hoàn trả tiền đặt trước: Tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân không trúng đấu giá được hoàn trả trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá;

3. Các trường hợp không được hoàn trả tiền đặt trước cho người tham gia đấu giá trong các trường hợp sau đây:

a) Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

b) Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại Điều 8 Quy chế này.

c) Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

d) Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

đ) Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

e) Bị hủy kết quả trúng đấu giá, do quá thời hạn quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 10 Quy chế này mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò (*trừ trường hợp bất khả kháng*).

4. Tiền đặt trước không được hoàn trả trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này được nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 8. Nghiêm cấm người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân, tổ chức khác thực hiện các hành vi sau đây

1. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá.

2. Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đìm giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

3. Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá.

4. Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

5. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

Chương II

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA ĐẤU GIÁ, TRÚNG ĐẤU GIÁ VÀ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ CHUYÊN NGHIỆP

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá có các quyền sau đây:

a) Tham khảo tài liệu điều tra cơ bản về địa chất, khoáng sản liên quan đến khu vực đấu giá;

b) Khảo sát thực địa khu vực đấu giá để xem sơ bộ tài sản đấu giá (được

thuê tổ chức tư vấn chuyên ngành nghiên cứu, đánh giá, xem trước khu vực đấu giá);

c) Được tham gia các buổi họp liên quan đến cuộc đấu giá do Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức (nếu có);

2. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện nghiêm túc Nội quy cuộc đấu giá, Quy chế cuộc đấu giá do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành và quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có các quyền sau đây:

a) Được cấp văn bản xác nhận trúng đấu giá;

b) Được sử dụng thông tin địa chất - khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá (nếu có);

c) Được quyền thuê tổ chức tư vấn (có chức năng hành nghề) lập hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác đối với mỏ trúng đấu giá (lập, thi công Đề án thăm dò; dự án đầu tư, thiết kế khai thác và hồ sơ về môi trường);

d) Được cấp Giấy phép thăm dò, Giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản;

e) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có nghĩa vụ sau đây:

a) Chậm nhất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 49 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; tổ chức thi công Đề án thăm dò khoáng sản theo Giấy phép được cấp và lập Báo cáo kết quả thăm dò, trình UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng theo quy định;

b) Nộp tiền trúng đấu giá các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023*) sau khi có quyết định phê duyệt tiền trúng đấu giá của UBND tỉnh, Thông báo của Cục Thuế tỉnh và trước khi nộp hồ sơ cấp Giấy phép khai thác; các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan theo quy định của pháp luật;

Trước khi cấp phép khai thác, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Cục Thuế tỉnh về số tiền, số lần nộp tiền và thời gian thu tiền

trúng đấu giá của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023) theo quy định tại Khoản 4, Điều 7 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.

c) Không được chuyển nhượng kết quả đấu giá cho tổ chức, cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản;

d) Hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Khoáng sản;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền hạn và nghĩa vụ của tổ chức đấu giá chuyên nghiệp

Quyền hạn và nghĩa vụ của tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và khoản 2, Điều 13 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Nội dung, hình thức hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá được lập 01 bộ theo quy định sau đây:

a) Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá (Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này).

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh; hồ sơ giới thiệu năng lực và kinh nghiệm trong khai thác và chế biến khoáng sản (Mẫu số 02 kèm theo Quy chế này);

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải có chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá (Mẫu số 03 kèm theo Quy chế này).

Lưu ý: Mẫu thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Đối với các đơn vị đã có đầu tư khai thác khoáng sản (được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác): Nộp bản xác nhận của Cục Thuế tỉnh,

thành phố hoặc Chi cục Thuế địa phương xác nhận đơn vị không nợ thuế tài nguyên; phí bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng (*liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản*); Bản xác nhận của cơ quan thuế được chấp thuận trong thời hạn được tính từ thời điểm xác nhận của cơ quan thuế đến trước ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác là 01 (một) tháng.

đ) Nộp bản cam kết hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Khoáng sản (*Mẫu số 04 kèm theo*);

e) Nộp các văn bản, tài liệu xác định vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo qui định tại khoản 2 Điều 14 của Quy chế này.

Điều 13. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá, thời hạn tiếp nhận hồ sơ đấu giá và thông báo, đăng tải thông tin về phiên đấu giá

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

2. Thời gian để thông báo và đăng tải thông tin liên tục trong 30 (ba mươi) ngày trên trang điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh; Thông báo công khai việc đấu giá tài sản 02 (hai) lần, mỗi lần cách nhau 03 ngày làm việc trên sóng truyền hình của Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi, nội dung thông báo công khai theo khoản 4 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản.

3. Thời hạn phát hành và tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá là 30 (ba mươi) ngày, theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 09/8/2023.

Điều 14. Tiêu chuẩn xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá

1. Tiêu chuẩn đánh giá, xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia phiên đấu giá khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

- Nộp đủ văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá được lập theo quy định tại khoản 2 Điều 12 và các văn bản, tài liệu qui định tại khoản 2 Điều 14 của Quy chế này.

- Tổ chức, cá nhân đăng ký có kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản phù hợp với khoáng sản nêu tại Điều 1 Quy chế này;

- Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá;

- Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm trong khai thác và chế biến khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (*theo nội dung quy định tại điểm 2, phần I của Mẫu số 02 kèm theo Quy chế này; cụ thể: Giấy phép thăm dò, Giấy phép khai thác – chế biến khoáng sản; Hợp đồng*

thi công xây dựng công trình Dự án đầu tư khai thác – chế biến khoáng sản mỏ; các hoạt động khác liên quan đến khai thác khoáng sản; Hóa đơn chứng từ thanh quyết toán công trình, dự án đầu tư hoạt động khoáng sản;).

2. Tiêu chí vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá (*quy định tại Điều 9 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản*):

a) Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau:

- Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên;

- Điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.

b) Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau:

- Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tài liệu chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này;

- Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Báo cáo tài chính năm gần nhất.

c) Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau:

- Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã;

- Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

3. Trong thời gian không quá 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá hoặc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ (theo số lượng hồ sơ bán ra), Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành báo cáo xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và chuyển hồ sơ đấu giá của các tổ chức, cá nhân được xét chọn cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện đấu giá.

4. Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, Tổ chức đấu giá tài sản phải tổ chức cuộc đấu giá, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đấu

giá của các tổ chức, cá nhân được xét chọn do Sở Tài nguyên và môi trường chuyển giao.

5. Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá không được xét chọn, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xét chọn tham gia cuộc đấu giá; thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến cuộc đấu giá; khảo sát thực địa khu vực đấu giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xét chọn; thời gian nộp tiền đặt trước và thời gian mở cuộc đấu giá. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bảo mật danh sách tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá, danh sách tổ chức cá nhân đã nộp tiền đặt trước cho đến thời điểm mở cuộc đấu giá.

Điều 15. Nội quy phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Trước khi tiến hành cuộc đấu giá, người tham gia đấu giá phải xuất trình cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp giấy giới thiệu tư cách của tổ chức được tham gia phiên đấu giá; xuất trình giấy chứng minh nhân dân và giấy biên nhận đã nộp tiền đặt trước hoặc giấy bảo lãnh dự đấu giá.

Một tổ chức tham gia đấu giá chỉ được cử không quá 02 người tham gia phiên đấu giá, trong đó có 01 người đại diện được phát giá.

2. Trong thời gian diễn ra cuộc đấu giá, người tham gia đấu giá phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Chỉ được trao đổi trong nội bộ tổ chức của mình về các thông tin liên quan mà không được trao đổi với tổ chức, cá nhân khác;

b) Không sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc trong suốt quá trình diễn ra cuộc đấu giá;

c) Không có hành vi gây mất trật tự, cản trở, phá rối phiên đấu giá, hoặc vi phạm quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác cùng tham gia cuộc đấu giá;

d) Không mua chuộc nhằm loại trừ người tham gia đấu giá khác hoặc cấu kết, thông đồng để dim giá.

3. Trường hợp người tham gia đấu giá vi phạm một trong các quy định tại Khoản 2 Điều này, người điều hành phiên đấu giá có quyền tạm ngưng cuộc đấu giá, lập biên bản xử lý và chỉ tiếp tục cuộc đấu giá sau khi hành vi vi phạm đã được xử lý theo quy định.

Điều 16. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá; cách thức trả giá, ghi phiếu trả giá

1. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

a) Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên;

b) Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá, bỏ

phiếu liên tục nhiều vòng (không hạn chế số vòng). Cuộc đấu giá chỉ kết thúc sau khi đã xác định được người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Cách thức trả giá:

a) Trong vòng đấu giá đầu tiên, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải trả giá thấp nhất bằng giá khởi điểm cuộc đấu giá cộng với số nguyên lần bước giá (1, 2, ..., n lần).

Ví dụ: Đấu giá mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà (R_{dg}).

- R_{dg} : Tính bằng tỷ lệ phần trăm (%).

- Giá khởi điểm mỏ cát (R): 5% (tương ứng với giá tính tiền cấp quyền khai thác);

- Bước giá (R_{bg}): 0,3%;

- Cách trả giá:

+ Tại vòng đấu giá đầu tiên; ông Nguyễn Văn A và những người tham gia đấu giá khác phải trả với giá: $R_{dg1} = 5 + (1 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg1} = 5 + (2 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg1} = 5 + (10 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg1} = 5 + (n \times 0,3)$;

Người tham gia đấu giá không được trả giá: $R_{dg1} = 5 + (1,5 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg} = 5 + (2,5 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg1} = 5 + (4,5 \times 0,3)$.

Ví dụ: $R_{dg1} = 5,3\%$ (tương ứng với $n = 1$) hoặc 5,6% (tương ứng với $n = 2$) hoặc 5,9% (tương ứng với $n = 3$) hoặc $R_{dg1} = 8\%$ (tương ứng với $n = 10$).

+ Tại vòng đấu giá kế tiếp (lần hai): $R_{dg2} = R_{dg1} + (1 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg2} = R_{dg1} + (2 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg2} = R_{dg1} + (10 \times 0,3)$ hoặc $R_{dg2} = R_{dg1} + (n \times 0,3)$;

Ví dụ: Người có phiếu trả giá cao nhất ở vòng đấu số 5, với $R_{dg} = 8\%$ (tương ứng với $n = 10$), trong trường hợp không còn ai tham gia trả giá vòng tiếp theo là người trúng đấu giá, có nghĩa là giá trúng đấu giá mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà là 8% (R_{dg} trúng đấu giá là 8%).

b) Trường hợp phải tổ chức vòng đấu giá tiếp theo, giá khởi điểm là giá được trả cao nhất của vòng đấu trước liên kế. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá trả thấp nhất phải bằng giá khởi điểm vòng đấu cộng số nguyên lần bước giá.

c) Phiếu trả giá có giá trị không đúng quy định tại điểm a, b khoản này được coi là không hợp lệ.

3. Cách thức ghi phiếu trả giá:

- Người tham gia đấu giá điền thông tin đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo mẫu phiếu trả giá đã quy định và không được tẩy xóa.

- Phiếu trả giá trống, không điền đầy đủ thông tin, tẩy xóa và phiếu trả giá không đúng cách thức trả giá nêu tại khoản 2 Điều này thì phiếu trả giá đó được xem là không hợp lệ và bị loại. Tổ chức, cá nhân tham gia trả giá không được rút lại Phiếu trả giá sau khi đã nộp Phiếu trả giá.

- Thời gian viết và bỏ phiếu trả giá cho 01 vòng đấu giá là 05 phút, giá trả

trong phiếu trả giá được ghi cả bằng số và bằng chữ rõ ràng, không được tẩy xóa; trường hợp giá trả ghi trong Phiếu trả giá bằng số và bằng chữ không thống nhất thì giá trả ghi trong Phiếu trả giá sẽ được xác định là giá trả ghi bằng chữ.

Điều 17. Trình tự, nguyên tắc tiến hành cuộc đấu giá

1. Trước khi tiến hành cuộc đấu giá, người tham gia đấu giá phải xuất trình cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp Giấy giới thiệu tư cách của tổ chức được tham gia phiên đấu giá; xuất trình Giấy Chứng minh nhân dân; Giấy ủy quyền tham gia đấu giá (nếu có) và Giấy biên nhận đã nộp tiền đặt trước hoặc Giấy bảo lãnh dự đấu giá. Một tổ chức tham gia đấu giá chỉ được cử không quá 02 (hai) người tham gia phiên đấu giá, trong đó có 01 (một) người đại diện được phát giá.

2. Mở đầu cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá chuyên nghiệp giới thiệu các thành viên tham dự cuộc đấu giá (đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan); phổ biến nội quy cuộc đấu giá; công bố danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá; điểm danh người tham gia đấu giá và người phát giá; giải đáp các câu hỏi (nếu có).

3. Đấu giá viên tiến hành cuộc đấu giá theo hình thức đấu giá bằng phiếu kín trực tiếp từng vòng đấu giá tại cuộc đấu giá, liên tục không gián đoạn trong suốt cuộc đấu giá. Cuộc đấu giá chỉ kết thúc sau khi đã xác định được người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Người trúng đấu giá là tổ chức, cá nhân duy nhất có phiếu trả giá cao nhất so với giá khởi điểm sau tất cả các vòng đấu giá hoặc là tổ chức, cá nhân trúng khi bốc thăm trong trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Sau mỗi vòng đấu giá, đấu giá viên thông báo công khai mức trả giá cao nhất của vòng bỏ phiếu.

Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

5. Mọi diễn biến trong cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập thành biên bản. Kết thúc cuộc đấu giá, đấu giá viên công bố công khai người trúng đấu giá. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải ký vào biên bản đấu giá ngay tại cuộc đấu giá.

Điều 18. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá

1. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá; hồ sơ, bao gồm:

a) Biên bản cuộc đấu giá;

b) Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá;

c) Dự thảo văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

2. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, UBND tỉnh ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

3. Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá là căn cứ pháp lý để UBND tỉnh xem xét, cấp phép hoạt động khoáng sản cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

Điều 19. Thông báo kết quả trúng đấu giá, tiền trúng đấu giá

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai kết quả trúng đấu giá tại trụ sở của Sở Tài nguyên và Môi trường và trang thông tin điện tử của UBND tỉnh trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

2. Cách tính tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (xác định giá trị trúng đấu giá quyền khai thác):

1. Căn cứ mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đã trúng đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tiền trúng đấu giá được tính như sau:

$$T = Q \times G \times K \times R_{dg} \text{ (đồng)}$$

Trong đó:

T - Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam;

Q - Trữ lượng địa chất trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đơn vị tính là tấn, m³;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP; đơn vị tính là đồng Việt Nam/đơn vị trữ lượng;

K - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác: khai thác lộ thiên K = 0,9;

R_{dg} - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá; đơn vị tính là phần trăm (%).

2. Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được áp dụng ổn định trong suốt thời gian được cấp phép khai thác.

3. Thời điểm xác định tiền trúng đấu giá sau khi có quyết định phê duyệt trữ lượng mỏ trúng đấu giá của UBND tỉnh và trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

Điều 20. Phương thức thu tiền trúng đấu giá

1. Tiền trúng đấu giá dưới 50 tỷ đồng được thu toàn bộ một lần trước khi cấp phép khai thác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Giấy nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách

Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức được ủy nhiệm thu được lập thành 03 (ba) liên, trong đó:

a) 01 (một) liên gửi cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá;

b) 01 (một) liên gửi cho UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo thẩm quyền cấp phép để giám sát;

c) 01 (một) liên gửi cho Cục Thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản đấu giá quyền khai thác để theo dõi, xử lý trong trường hợp có vi phạm.

3. Trường hợp số tiền trúng đấu giá lớn hơn 50 tỷ đồng thì thực hiện thu nhiều lần theo quy định tại Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

4. Trước khi cấp phép khai thác, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Cục Thuế tỉnh, nơi có khoáng sản được đấu giá về số lần nộp tiền và thời gian thu tiền trúng đấu giá của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Điều 21. Quy định về thời gian cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án vận chuyển đối với khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đấu giá quyền khai thác ra khỏi khu vực mỏ

1. Quy định về thời gian cấp Giấy phép khai thác đối với mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đấu giá quyền khai thác cụ thể như sau:

TT	Tên khu vực mỏ, loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Thời gian cấp phép khai thác tối đa (năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Cát xây dựng				
01	Mỏ cát thôn Nhơn Lộc 1, xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	4,2	63.000	02	
02	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	6,14	122.800	03	
03	Mỏ cát thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	3,26	65.200	02	
04	Mỏ cát thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	5,9	93.263	02	
05	Mỏ cát thôn Mỹ Hòa, xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	3,58	93.263	02	

II	Đất san lấp				
01	Mỏ đất núi Văn Bàn, thôn 4, xã Đức Chánh (Vị trí 1), huyện Mộ Đức	9,41	564.600	03	
02	Mỏ đất núi An Hội, thôn Minh Tân Bắc, xã Đức Minh (phần diện tích mở rộng), huyện Mộ Đức	9,4	647.660	04	
03	Mỏ đất hồ Đá Bàn, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	5,55	436.785	03	
04	Mỏ đất Đèo Đồng Ngõ, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	4,5	354.150	02	
05	Mỏ đất Núi Chóp thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ	13,96	695.208	04	
06	Mỏ đất Núi Lớn, thôn Hưng Long, xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ	15,8	632.000	04	
07	Mỏ đất Tổ dân phố Hiền Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ	6,0	300.000	02	
08	Mỏ đất Tổ dân phố Hiền Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 2), thị xã Đức Phổ	4,0	80.000	01	
09	Mỏ đất Tổ dân phố Thanh Lâm, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ	12,93	743.480	04	
10	Núi Mã Đèo, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	10,18	712.600	04	
11	Mỏ đất Núi Chủ Đê, thôn Phú Lâm Đông, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	4,91	256.793	02	

2. Quy định về Phương án vận chuyển đối với khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đấu giá quyền khai thác ra khỏi khu vực mỏ, cụ thể như sau:

TT	Tên khu vực mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m^3)	Phương án vận chuyển	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Cát xây dựng				
01	Mỏ cát thôn Nhơn Lộc 1, xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành	4,2	63.000	Vận chuyển theo đường bộ	

02	Mỏ cát thôn Ngân Giang, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	6,14	122.800	Vận chuyển theo đường bộ	
03	Mỏ cát thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	3,26	65.200	Vận chuyển theo đường bộ hoặc đường sông	Theo đề xuất của UBND huyện Tư Nghĩa
04	Mỏ cát thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa	5,9	93.263	Vận chuyển theo đường sông	
05	Mỏ cát thôn Mỹ Hòa, xã Nghĩa Mỹ, huyện Tư Nghĩa	3,58	93.263	Đường vận chuyển men theo bờ sông đến đầu bờ kè Sông Vệ và có giải pháp gia cố bờ kè đảm bảo tuyệt đối an toàn cho kè	

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với tổ chức đấu giá chuyên nghiệp có chức năng đấu giá (*Hai bên ký Hợp đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản*) và tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá triển khai thực hiện Quy chế này./.
